

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ SMART
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ SMART

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SMART INTERNATIONAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SMART INVES., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108151237

3. Ngày thành lập: 29/01/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 80, đường Hạnh Đàn, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439757133

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
2.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
3.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
4.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5229
6.	Cung ứng lao động tạm thời (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7820
7.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7830
8.	Giáo dục nghề nghiệp (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
9.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình: Giao thông, công nghiệp, thủy lợi, điện, hạ tầng kỹ thuật đô thị;	4290
10.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
11.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722

12.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
13.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
14.	Khai thác và thu gom than non	0520
15.	Quảng cáo	7310
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
17.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh	0118
18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
20.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
21.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Hoạt động thú y	7500
24.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
26.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
27.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
28.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
29.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
30.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
31.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác - Chi tiết: Loại trừ các hoạt động liên quan đến đấu giá.	4530
32.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	4610
33.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
34.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
35.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
36.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
37.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
38.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
39.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
40.	Bốc xếp hàng hóa	5224

41.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209(Chính)
42.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
43.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
44.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
45.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy - Chi tiết: Loại trừ các hoạt động liên quan đến đấu giá.	4543
46.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
47.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa, sản phẩm gỗ sơ chế, sơn và véc ni, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, giấy dán tường và phủ sàn, đồ ngũ kim và khóa, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su;	4663
48.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ - - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự ; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;	2599
49.	Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
50.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, văn phòng, dệt, may, da giày, điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);	4659
52.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
53.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
54.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
55.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh	4669
56.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
57.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
58.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891

59.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét - Chi tiết: Loại trừ các hoạt động liên quan đến đầu giá.	2392
60.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
61.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò (hoạt động thăm dò khoáng sản Khoản 6 Điều 2 Luật khoáng sản)	0990
63.	Khai thác quặng sắt	0710
64.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
65.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
66.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
67.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
68.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).	5610
69.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
70.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
71.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, ô tô vận tải	4511
72.	Phá dỡ	4311
73.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
74.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
75.	Xây dựng nhà các loại	4100
76.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
77.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
78.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Lập dự án, quản lý dự án các công trình: giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, điện (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực về quản lý dự án xây dựng theo quy định pháp luật)	7110
79.	Lập trình máy vi tính	6201
80.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
81.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
82.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
83.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
84.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

85.	Bưu chính	5310
86.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
87.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
88.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
89.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
90.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
91.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
92.	Bán buôn gạo	4631
93.	Bán buôn thực phẩm	4632
94.	Bán buôn đồ uống	4633
95.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
96.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
97.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
98.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
99.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
100.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
101.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
102.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
103.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ bán lẻ vàng, tem, súng đạn, tiền và kim khí	4773
104.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Loại trừ các hoạt động liên quan đến đấu giá.	4791
105.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Loại trừ các hoạt động liên quan đến đấu giá.	4799
106.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
107.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
108.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
109.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
110.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Dịch vụ tư vấn giáo dục	8560
111.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
112.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
113.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011

114.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
115.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
116.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
117.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
118.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
119.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
120.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: cho thuê ô tô (trừ ô tô chuyên dụng)	7710
121.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;	6820
122.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
123.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
124.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
125.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
126.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
127.	Đại lý du lịch	7911
128.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
129.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
130.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
131.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
132.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
133.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
134.	Chuyển phát	5320
135.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện	3510
136.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
137.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thuê du thuyền, vận chuyển hành khách bằng du thuyền.	9329

138.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Loại trừ trung tâm giới thiệu việc làm) (Không bao gồm xuất khẩu lao động và giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
139.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
140.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
141.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
142.	Sản xuất than cốc	1910

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN THỊ THU LOAN	Phòng 306, số 6, Tôn Đức, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	80,000	001175003126	
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	80,000		
2	NGUYỄN THỊ MINH	Cụm 13, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	024190000547	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
3	NGUYỄN THỊ HÀ	Tập thể quân đội K212, tổ chức hành chính Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	113225032	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

